

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 161 /2022/HNGĐ- ST

Ngày: 16 -9-2022

V/v Ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT- TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hưng và ông Trương Vĩnh Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Dịu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết Bình – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 600/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 về việc ly hôn; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 152/2022/QĐST- HNGĐ ngày 09/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1978; Địa chỉ: 50B đường L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thiết T, sinh năm 1976; Địa chỉ: 50B đường L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Thiết T tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, chúng tôi chung sống từ năm 1996 có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là tỉnh Đắk Nông) vào ngày 12/9/2000.

Sau khi đăng ký kết hôn thì vợ chồng về tại 50B đường L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk làm ăn sinh sống, quá trình sống chung đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xảy ra cãi vã, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không ai quan tâm ai và đã sống ly thân từ năm 2020. Mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không thể khắc phục, tình

cảm vợ chồng không còn, không quan tâm và chăm sóc nhau nữa, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên tôi có nguyện vọng xin được ly hôn với ông Nguyễn Thiết T.

Về con chung: Tôi và ông T có 02 con chung là: Nguyễn Thị Tâm, sinh ngày 23/01/1998 và Nguyễn Thiết Đ, sinh ngày 30/01/2000, các con chung đã thành niên nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Thiết T trình bày:

Tôi xác nhận những nội dung như bà M đã trình bày về quá trình tìm hiểu kết hôn, và có 02 con chung là đúng.

Tôi và bà Nguyễn Thị M tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, chúng tôi có tổ chức lễ cưới, chung sống từ năm 1998 và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là tỉnh Đắk Nông) vào ngày 12/9/2000.

Sống chung một thời gian thì đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Nay bà M xin ly hôn thì nguyện vọng của tôi là muốn Tòa giải quyết cho chúng tôi được đoàn tụ để chăm sóc con chung, tôi sẽ cố gắng khắc phục khuyết điểm để hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là: Nguyễn Thị T, sinh ngày 23/01/1998 và Nguyễn Thiết Đ, sinh ngày 30/01/2000, các con chung đã thành niên nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- *Về tố tụng:* Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX cũng như nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng.

- *Về nội dung:* Đề nghị căn cứ các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M được ly hôn ông Nguyễn Thiết T.

Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Thiết T có 02 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 23/01/1998 và Nguyễn Thiết Đ, sinh ngày 30/01/2000, các con chung đã thành niên nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà M, ông T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Ông Nguyễn Thiết T không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn ông Nguyễn Thiết T cư trú tại 50B đường L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Thiết T vắng mặt là lần thứ hai, do đó Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M là phù hợp theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của Nguyễn Thị M xin ly hôn ông Nguyễn Thiết T. Hội đồng xét xử xét thấy: bà M, ông T tự nguyện chung sống từ năm 1998 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là tỉnh Đắk Nông) ngày 12/9/2000 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của đương sự; Nguyên đơn bà M trình bày trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn xảy ra đã lâu nhưng vẫn không khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà M có nguyện vọng xin được ly hôn với ông T, quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông T cũng xác định quá trình chung sống ông cũng có những khuyết điểm với vợ ông sẽ cố gắng khắc phục để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng.

Kết quả xác minh tại địa phương xác định: Quá trình vợ chồng bà M, ông T chung sống tại địa phương từ năm 2020 thì có phát sinh mâu thuẫn nên bà M yêu cầu giải quyết việc ly hôn, còn nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không nắm được.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà M, ông T đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn ông Nguyễn Thiết T của bà Nguyễn Thị M là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà M, ông T có 02 con chung là: Nguyễn Thị T, sinh ngày 23/01/1998 và Nguyễn Thiết Đ, sinh ngày 30/01/2000 các con chung đã thành niên nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Thiết T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là tự nguyện và phù hợp cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn ông Nguyễn Thiết T không phải chịu tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M được ly hôn ông Nguyễn Thiết T.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Thiết T có 02 con chung là: Nguyễn Thị T, sinh ngày 23/01/1998 và Nguyễn Thiết Đ, sinh ngày 30/01/2000 các con chung đã thành niên nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Thiết T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị M đã nộp theo biên lai thu số AA/2021 0019838 ngày 07/7/2022 Tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Ông Nguyễn Thiết T không phải chịu án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.B;
- UBND xã N, H. Cư J;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nguyệt